

Số: **815** /ĐLTKV-VP

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2019

V/v: Báo cáo thường niên năm 2018
của Tổng công ty Điện lực - TKV.

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên công ty: Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP.
2. Mã chứng khoán: DTK
3. Trụ sở chính: Số 78 Tầng 2, Tòa nhà Sannam, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.
4. Số điện thoại: (024) 3516 1605 Số Fax: (024) 3516 1610
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thế Hồng
6. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2018 của Tổng công ty Điện lực - TKV.
7. Địa chỉ: Toàn bộ tài liệu đã được đăng tải trong cùng ngày 24/4/2019 tại Website của Tổng công ty tại địa chỉ www.dienluctkv.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. /

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS (e-copy; b/c);
- Các PTGD, KTTTr (e-copy);
- Các Ban: PCTT, KTTC (e-copy);
- Lưu: VT, NgH(4).



Ngô Trí Thịnh

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2019

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2019

M.S.N
★

Mục lục

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG	3
1. Thông tin khái quát.....	3
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
3.1. Ngành nghề kinh doanh.....	4
3.2. Địa bàn kinh doanh	5
4. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý	5
4.1. Mô hình quản trị.....	5
4.2. Bộ máy quản lý.....	7
4.3. Các đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết.....	7
5. Ban quản lý, điều hành.....	8
5.1. Hội đồng quản trị	8
5.2. Ban Kiểm soát.....	10
5.3. Ban Tổng giám đốc.....	11
5.4. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của cán bộ quản lý, điều hành.....	12
5.5. Những thay đổi trong ban quản lý, điều hành trong năm 2018.....	12
PHẦN II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD	12
1. Định hướng phát triển	12
2. Hoạt động SXKD năm 2018	13
2.1. Tình hình chung.....	13
2.2. Kết quả thực hiện SXKD năm 2018 (công ty mẹ)	14
2.3. Công tác cổ đông.....	14
2.4. Đội ngũ CBCNV.....	14
2.5. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	15
2.6. Tình hình tài chính.....	15
3. Kế hoạch SXKD năm 2019.....	17
PHẦN III. CÁC RỦI RO	20
1. Rủi ro về chính sách, tỷ giá	20
2. Rủi ro về thị trường	20
3. Rủi ro về kỹ thuật công nghệ	21
PHẦN IV. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI.....	21
1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu	21
2. Tiêu thụ năng lượng	21
3. Tiêu thụ nước.....	21
4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường	21
5. Chính sách liên quan đến người lao động.....	21

PHẦN V. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	22
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	22
2. Kế hoạch SXKD năm 2019	22
3. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội	22
PHẦN VI. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	23
1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT Tổng công ty	23
2. Đánh giá về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 của Tổng công ty....	23
3. Hoạt động, tiền lương và thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát, cán bộ quản lý Tổng công ty.....	23
4. Kết quả giám sát với Tổng giám đốc và Ban lãnh đạo điều hành.....	24
PHẦN VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018.....	25

Phần I:
THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên đầy đủ: **Tổng công ty Điện lực TKV- CTCP**
- Tên rút gọn: **Tổng công ty Điện lực - TKV**
- Tên giao dịch quốc tế: **Vinacomin - Power Holding Corporation**
- Tên viết tắt: **ĐLTKV**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0104297034, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 07/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 16/7/2018.
- Vốn điều lệ: **6.800.000.000.000 đồng** (Sáu nghìn tám trăm tỷ đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 6.778.085.000.000 đồng (Sáu nghìn bảy trăm bảy mươi tám tỷ, tám mươi lăm triệu đồng).
- Địa chỉ: Số 78 tầng 2, tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: (024) 3516 1605; Số Fax: (024) 3516 1610
- Website: www.dienluctkv.vn
- Mã cổ phiếu: **DTK**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Tổng công ty Điện lực - TKV được thành lập theo Quyết định số 5211/QĐ-BCT ngày 21/10/2009 của Bộ Công Thương, là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, có vốn điều lệ là 6.800 tỷ đồng, có chức năng thực hiện các ngành nghề kinh doanh bao gồm: Đầu tư, xây dựng, khai thác vận hành các nhà máy nhiệt điện, nhà máy thủy điện, các nhà máy điện sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo và lưới điện (hệ thống cung cấp điện); Mua, bán điện; Truyền tải và phân phối điện và các ngành nghề khác được pháp luật cho phép.

Năm 2010, Tổng công ty Điện lực - TKV được đổi tên thành Tổng công ty Điện lực - Vinacomin theo Quyết định số 1940/QĐ-HĐTV ngày 19/08/2010 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 19/01/2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 85/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực - Vinacomin.

Ngày 16/4/2015, Tổng công ty thực hiện chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, số lượng cổ phần bán được là 1.191.300 cổ phần, giá đấu thành công bình quân là 10.000 đồng/ cổ phiếu.

Ngày 15/01/2016 Tổng công ty chính thức đi vào hoạt động theo loại hình công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0104297034, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 07/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 16/7/2018 với vốn điều lệ là 6.800.000.000.000 đồng (Sáu nghìn tám trăm tỷ đồng).

Ngày 29/6/2016 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn số 3902/UBCK-GSĐC chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP và ngày 15/12/2016 Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP chính thức lên sàn giao dịch UPCOM với mã chứng khoán DTK có giá chào sàn là 14.000 đồng/ cổ phần.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.	0810
2	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Đầu tư, xây dựng, khai thác vận hành các nhà máy nhiệt điện, thủy điện, điện sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo và lưới điện, hệ thống cung cấp điện; mua, bán điện.	3510 (Chính)
3	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng không nung.	3290
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình nhà máy điện, đường dây và trạm điện, công trình công nghiệp, thủy lợi, cảng biển, kết cấu hạ tầng.	4290
5	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình điện.	7020
6	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế các sản phẩm cơ khí, thiết bị nhà máy điện, thiết bị điện, thiết bị chịu áp lực, kết cấu thép và các thiết bị công nghiệp khác.	7110
7	Vận tải hành khách đường sắt.	4911
8	Vận tải hàng hóa đường sắt.	4912
9	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt).	4931
10	Vận tải hành khách đường bộ khác.	4932
11	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.	4933
12	Vận tải hành khách đường thủy nội địa.	5021
13	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.	5022
14	Sản xuất sản phẩm chịu lửa.	2391
15	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.	2392

Stt	Tên ngành	Mã ngành
16	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.	2394
17	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại.	2512
18	Sản xuất các cấu kiện kim loại. Chi tiết: Chế tạo, lắp ráp các sản phẩm cơ khí, thiết bị nhà máy điện, thiết bị điện, thiết bị chịu áp lực, kết cấu thép và các thiết bị công nghiệp khác.	2511
19	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện. Chi tiết: Thiết bị nhà máy điện, thiết bị điện, thiết bị chịu áp lực, kết cấu thép và các thiết bị công nghiệp khác.	2710
20	Sản xuất thiết bị điện khác.	2790
21	Sửa chữa máy móc thiết bị. Chi tiết: Sửa chữa thiết bị nhà máy điện, thiết bị điện, thiết bị chịu áp lực, kết cấu thép và các thiết bị công nghiệp khác.	3312
22	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn Chi tiết: Sửa chữa các sản phẩm cơ khí, kết cấu thép.	3311
23	Xây dựng nhà các loại.	4100
24	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.	4210
25	Khai thác và thu gom than cứng.	0510
26	Khai thác và thu gom than non.	0520
27	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.	8299
28	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn than đá, than non, than bùn, than củi, than cốc và các sản phẩm liên quan.	4661
29	(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).	

3.2. Địa bàn kinh doanh:

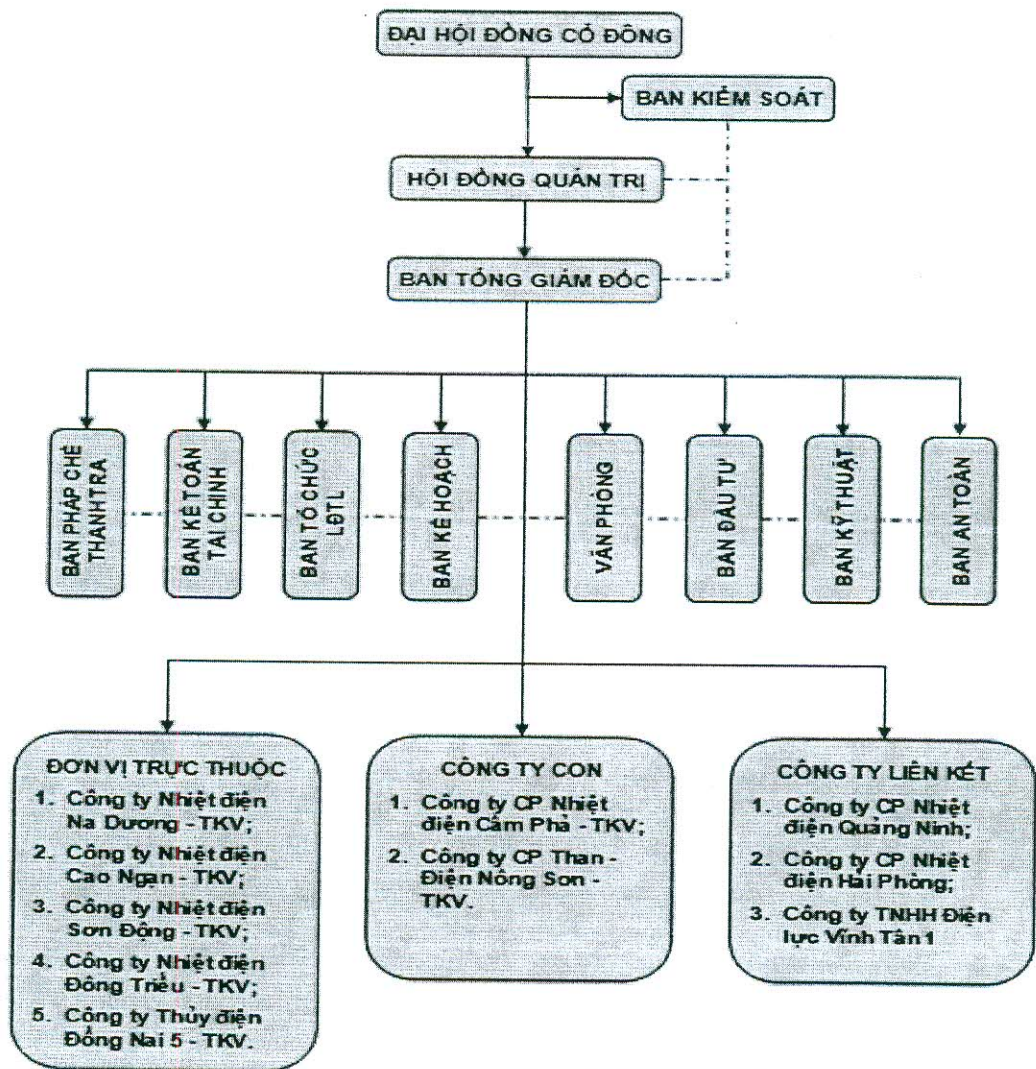
Tổng công ty có địa bàn kinh doanh trên khắp lãnh thổ Việt Nam, trải dài từ Bắc vào Nam. Ngoài trừ Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5 tại tỉnh Lâm Đồng, tất cả các nhà máy nhiệt điện của Tổng công ty đều nằm gần các mỏ than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, đốt chủng loại than xấu, có hàm lượng chất bốc thấp, độ lưu huỳnh cao cho phát điện. Trong đó, nhiều nhà máy nằm tại những địa bàn vùng sâu, vùng xa có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn như Na Dương (Lạng Sơn), Nông Sơn (Quảng Nam), ...

4. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý:

4.1. Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông: Bao gồm 967 cổ đông sở hữu 680.000.000 cổ phần tương đương 6.800 tỷ đồng bằng 100% vốn điều lệ.

- Hội đồng quản trị: Gồm Chủ tịch và 04 thành viên, trong số 04 thành viên HĐQT có 01 thành viên chuyên trách, thường trực HĐQT; 01 thành viên kiêm Tổng giám đốc; 02 thành viên kiêm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty.
- Ban Kiểm soát: Gồm Trưởng Ban Kiểm soát, chuyên trách; và 02 Kiểm soát viên.
- Ban Tổng giám đốc: Gồm Tổng giám đốc và 04 Phó Tổng giám đốc, 01 Kế toán trưởng Tổng công ty.
- Phòng, Ban chức năng: 08 Ban bao gồm: Văn phòng, Ban Kế hoạch, Ban Tổ chức - Lao động - Tiền lương, Ban Kế toán - Tài chính, Ban Pháp chế - Thanh tra, Ban Đầu tư, Ban Kỹ thuật, Ban An toàn.
- Đơn vị trực thuộc: 05 đơn vị.
- Công ty con cổ phần chi phối: 02 công ty.
- Công ty liên kết: 03 công ty.



4.2. Bộ máy quản lý:

- Hội đồng quản trị (HĐQT): Số lượng thành viên HĐQT là 05 người, được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu với nhiệm kỳ 5 năm (2016 - 2021). HĐQT được ĐHĐCĐ giao nhiệm vụ quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

- Ban Kiểm soát (BKS): Số lượng thành viên BKS hiện nay là 03 người, được ĐHĐCĐ bầu với nhiệm kỳ 5 năm (2016 - 2021). BKS được ĐHĐCĐ giao nhiệm vụ giám sát HĐQT và Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Tổng giám đốc: Là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc được Hội đồng quản trị Tổng công ty bổ nhiệm với nhiệm kỳ 5 năm (2016 - 2021).

- Phó Tổng giám đốc: Năm 2018 Tổng công ty có 04 Phó Tổng giám đốc, giúp Tổng giám đốc Tổng công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

- Kế toán trưởng: Có nhiệm vụ trực tiếp tổ chức thực hiện công tác kế toán - tài chính của Tổng công ty; giúp Tổng giám đốc Tổng công ty giám sát tài chính và sử dụng các nguồn lực tài chính của Tổng công ty theo pháp luật; có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Tiêu chuẩn đối với Kế toán trưởng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

- Các Ban chức năng: Có 08 Ban gồm Văn phòng và các Ban chuyên môn, có chức năng tham mưu, giúp việc HĐQT và Tổng giám đốc Tổng công ty trong quản lý, điều hành Tổng công ty cũng như thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn đối với các doanh nghiệp khác. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các Ban chức năng do Tổng giám đốc quyết định sau khi được HĐQT thông qua.

4.3. Các đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết:

a) Các đơn vị trực thuộc:

1. Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV, địa chỉ: Xã Sần Viên, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

2. Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV, địa chỉ: Thị trấn Thanh Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

3. Công ty Nhiệt điện Đông Triều - TKV, địa chỉ: Xã Bình Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

4. Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV, địa chỉ: Ngõ 719 đường Dương Tự Minh, phường Quán Triều, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

5. Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, địa chỉ: Khu 4, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

b) Các công ty con:

Stt	Tên công ty con	Lĩnh vực SXKD chính	Địa chỉ	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn thực góp (đồng)
1	Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.	Phường Cẩm Thịnh, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.	1.969.806.222.882	89,21	1.757.179.069.334
2	Công ty CP Than - Điện Nông Sơn - TKV	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.	Xã Quế Trung, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.	140.000.000.000	88,77	124.279.500.000

c) Các công ty liên kết:

Stt	Tên công ty con	Lĩnh vực SXKD chính	Địa chỉ	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn thực góp (đồng)
1	Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.	Thôn Đoan, xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.	5.000.000.000.000	7,21%	360.500.000.000
2	Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.	Tổ 33, Khu 5, phường Hà Khánh, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.	4.500.000.000.000	10,62%	477.841.310.000
3	Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân 1	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.	Tầng 6, Tòa nhà Viettel, phường Phú Thủy, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	351.014.400 USD	5%	17.550.000 USD

5. Ban quản lý, điều hành:

5.1. Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng công ty bao gồm Chủ tịch và 04 thành viên, trong số 04 thành viên HĐQT có 01 thành viên chuyên trách, thường trực HĐQT; 01 thành viên kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty; 02 thành viên kiêm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty, cụ thể như sau:

1) **Ông Nguyễn Trọng Hùng - Chủ tịch HĐQT:**

- Năm sinh: 1962. Trình độ: Tiến sỹ Tự động hóa.
- Quá trình công tác: Ông Nguyễn Trọng Hùng bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ năm 2010 đến nay. Ông Nguyễn Trọng Hùng từng giữ các chức vụ: Trưởng Phòng Đo lường - Cục Đo lường chất lượng, Trưởng Phòng KH-CN-MT Tổng cục KT - Bộ Quốc phòng, Phó Trưởng Ban Điện lực TKV, Phó Giám đốc Công ty Nhiệt điện Na Dương - Vinacomin, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực - Vinacomin. Ông Nguyễn Trọng Hùng được bổ nhiệm Trưởng Ban TKV - Thành viên Ban Quản lý vốn TKV đầu tư tại các doanh nghiệp, Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Điện lực - TKV kể từ năm 2014 đến nay.
- Chức vụ tại các đơn vị khác: Trưởng Ban - Thành viên Ban quản lý vốn TKV. Người đại diện phần vốn TKV tại Công ty CP Thiết bị điện Cẩm Phả, Công ty CP Tư vấn đầu tư mỏ & công nghiệp - TKV, Công ty CP Xuất nhập khẩu than - Vinacomin, Công ty CP Chế tạo máy - TKV.

2) **Ông Nguyễn Đức Pha - Thành viên chuyên trách, Thường trực HĐQT:**

- Năm sinh: 1963. Trình độ: Kỹ sư điện.
- Quá trình công tác: Ông Nguyễn Đức Pha bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ năm 2002. Trong quá trình công tác đã giữ các chức vụ: Đốc công cơ điện, Phó Trưởng Phòng, Trưởng Phòng Cơ điện Mỏ than Na Dương; Phó Trưởng Phòng, Trưởng Phòng Kỹ thuật Ban QLDA Nhà máy nhiệt điện Na Dương; Phó Giám đốc Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV; Giám đốc Ban QLDA Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 (nay là Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV). Ông Nguyễn Đức Pha được bổ nhiệm Thành viên chuyên trách, Thường trực HĐQT Tổng công ty Điện lực - TKV kể từ năm 2016 đến nay.
- Chức vụ tại các đơn vị khác: Không.

3) **Ông Ngô Trí Thịnh - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc:**

- Năm sinh: 1975. Trình độ: Kỹ sư công nghệ nhiệt.
- Quá trình công tác: Ông Ngô Trí Thịnh bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ năm 2001. Trong quá trình công tác đã giữ các chức vụ: Phó Trưởng Phòng, Trưởng Phòng Kỹ thuật, Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV; Phó Tổng giám đốc, Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực - Vinacomin. Ông Ngô Trí Thịnh được bổ nhiệm Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực - TKV kể từ năm 2016 đến nay.
- Chức vụ tại các đơn vị khác: Không.

4) **Ông Hoàng Phó Hiềng - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc:**

- Năm sinh: 1961. Trình độ: Cử nhân kinh tế.
- Quá trình công tác: Ông Hoàng Phó Hiềng bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ năm 1999. Trong quá trình công tác đã giữ các chức vụ: Phó Trưởng Phòng, Q. Trưởng Phòng Kế toán Mỏ than Mông Dương; Phó Trưởng Phòng Kế toán - Tài chính Công ty Than Nội địa; Kế toán trưởng Ban QLDA Nhà máy

nhiệt điện Na Dương; Kế toán trưởng, Phó Giám đốc Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV; Kế toán trưởng, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực - Vinacomin. Ông Hoàng Phó Hiền được bổ nhiệm Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực - TKV kể từ năm 2016 đến nay.

- Chức vụ tại các đơn vị khác: Không.

5. Ông Phạm Xuân Phong - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc:

- Năm sinh: 1973. Trình độ: Kỹ sư điện khí hóa xí nghiệp.

- Quá trình công tác: Ông Phạm Xuân Phong bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ năm 1999. Trong quá trình công tác đã giữ các chức vụ: Quản đốc, Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty Nhiệt điện Na Dương; Trưởng Phòng Sản xuất kinh doanh Ban Điện lực TKV; Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV. Ông Phạm Xuân Phong được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực - TKV kể từ năm 2014 đến nay và Thành viên HĐQT kể từ năm 2016.

- Chức vụ tại các đơn vị khác: Không.

5.2. Ban Kiểm soát:

Bao gồm Trưởng Ban Kiểm soát, chuyên trách; và 02 thành viên.

1) Ông Phạm Văn Thường - Trưởng Ban Kiểm soát:

- Năm sinh: 1961. Trình độ: Cử nhân kinh tế.

- Quá trình công tác: Ông Phạm Văn Thường bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ năm 2003. Trong quá trình công tác đã giữ các chức vụ: Kế toán trưởng Công ty Than Cẩm Phả, Công ty Xây dựng mỏ - TKV, Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV. Ông Phạm Văn Thường được bổ nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát Tổng công ty Điện lực - TKV kể từ năm 2016 đến nay.

- Chức vụ tại các đơn vị khác: Không.

2) Bà Bùi Thu Thái - Thành viên Ban kiểm soát:

- Năm sinh: 1981. Trình độ: Kỹ sư xây dựng.

- Quá trình công tác: Bà Bùi Thu Thái bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ năm 2010. Trong quá trình công tác đã giữ chức vụ Phó Trưởng Ban Đầu tư Tổng công ty Điện lực - TKV kể từ năm 2014 và được bổ nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty Điện lực - TKV kể từ năm 2016 đến nay.

- Chức vụ tại các đơn vị khác: Không.

3) Bà Bùi Thị Tố Uyên - Thành viên Ban kiểm soát:

- Năm sinh: 1983. Trình độ: Cử nhân kế toán tổng hợp.

- Quá trình công tác: Bà Bùi Thị Tố Uyên bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ năm 2010. Công tác tại Ban Pháp chế - Thanh tra Tổng công ty Điện lực - TKV. Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2017 tổ chức ngày 20/4/2018 đã được bầu làm Kiểm soát viên thay cho ông Nguyễn Trọng Phúc xin từ nhiệm do lý do chuyển công tác.

- Chức vụ tại các đơn vị khác: Không.

5.3. Ban Tổng giám đốc:

Năm 2018, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty bao gồm Tổng giám đốc, 04 Phó Tổng giám đốc và 01 Kế toán trưởng Tổng công ty.

1) **Ông Ngô Trí Thịnh - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc:** Đã thông tin tại mục 5.1 ở trên.

2) **Ông Hoàng Phó Hiềng - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc:** Đã thông tin tại mục 5.1 ở trên.

3) **Ông Phạm Xuân Phong - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc:** Đã thông tin tại mục 5.1 ở trên.

4) **Ông Nguyễn Văn Hải - Phó Tổng giám đốc:**

- Năm sinh: 1960. Trình độ: Kỹ sư điện khí hóa xí nghiệp, Kỹ sư QTKD, Kỹ sư khai thác mỏ, Thạc sỹ kinh tế.

- Quá trình công tác: Ông Nguyễn Văn Hải bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ năm 2010. Trong quá trình công tác đã giữ các chức vụ: Trưởng Phòng TCHC, Phó Hiệu trưởng, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề công nghiệp Việt Bắc - TKV; Giám đốc, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Than - Điện Nông Sơn - Vinacomin, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực - Vinacomin. Ông Nguyễn Văn Hải được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực - TKV kể từ năm 2016 đến nay.

- Chức vụ tại các đơn vị khác: Không.

5) **Ông Bùi Minh Tân - Phó Tổng giám đốc:**

- Năm sinh: 1981. Trình độ: Kỹ sư điện.

- Quá trình công tác: Ông Bùi Minh Tân bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ năm 2010. Trong quá trình công tác đã giữ các chức vụ: Phó Trưởng Ban, Trưởng Ban Đầu tư, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực - Vinacomin. Ông Bùi Minh Tân được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực - TKV kể từ năm 2016 đến nay.

- Chức vụ tại các đơn vị khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Than - Điện Nông Sơn - TKV.

6) **Bà Nguyễn Thị Hà - Kế toán trưởng:**

- Năm sinh: 1966. Trình độ: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kế toán công nghiệp.

- Quá trình công tác: Bà Nguyễn Thị Hà bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ năm 2010. Trong quá trình công tác đã giữ các chức vụ: Phó Trưởng Phòng, Q. Trưởng Phòng Kế toán Nhà máy cơ khí Trung tâm Cẩm Phả; Kế toán trưởng Công ty chế tạo máy Vinacomin; Phó Ban Kế toán - Tài chính, Trưởng Ban Tài chính Tổng công ty Điện lực - Vinacomin. Bà Nguyễn Thị Hà được bổ nhiệm Kế toán trưởng Tổng công ty Điện lực - TKV kể từ năm 2016 đến nay.

- Chức vụ tại các đơn vị khác: Không.

5.4. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của cán bộ quản lý, điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Số lượng CP nắm giữ		Tỷ lệ (%)
			Ủy quyền	Sở hữu	
I	Hội đồng quản trị				
1	Nguyễn Trọng Hùng	Chủ tịch HĐQT	677.808.500	10.000	99,678
2	Nguyễn Đức Pha	Thành viên HĐQT	0	10.800	0,0016
3	Ngô Trí Thịnh	Thành viên HĐQT	0	36.200	0,0053
4	Hoàng Phó Hiềng	Thành viên HĐQT	0	23.200	0,0034
5	Phạm Xuân Phong	Thành viên HĐQT	0	21.800	0,0032
II	Ban Kiểm soát				
1	Phạm Văn Thường	Trưởng ban kiểm soát	0	0	0
2	Bùi Thu Thái	Kiểm soát viên	0	2.700	0,0004
3	Bùi Thị Tố Uyên	Kiểm soát viên	0	1.400	0,00021
III	Ban Tổng giám đốc				
1	Ngô Trí Thịnh	Thành viên HĐQT, TGD	Đã nêu tại mục I Biểu này		
2	Hoàng Phó Hiềng	Thành viên HĐQT, Phó TGD	Đã nêu tại mục I Biểu này		
3	Phạm Xuân Phong	Thành viên HĐQT, Phó TGD	Đã nêu tại mục I Biểu này		
4	Nguyễn Văn Hải	Phó TGD	0	13.100	0,0019
5	Bùi Minh Tân	Phó TGD	0	10.800	0,0016
6	Nguyễn Thị Hà	Kế toán trưởng	0	5.400	0.0008

5.5. Những thay đổi trong ban quản lý, điều hành trong năm 2018:

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2017 tổ chức ngày 20/4/2018 bà Bùi Thị Tố Uyên đã được bầu làm Kiểm soát viên thay cho ông Nguyễn Trọng Phúc xin từ nhiệm do lý do chuyển công tác.

Phần II:

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD

1. Định hướng phát triển:

Xây dựng Tổng công ty Điện lực - TKV trở thành doanh nghiệp có trình độ công nghệ, mô hình quản trị theo hướng hiện đại và chuyên môn hóa cao; cơ cấu tổ chức, lao động gọn nhẹ, hợp lý; nâng cao năng suất lao động, chỉ tiêu công nghệ, năng lực cạnh tranh; hoạt động hiệu quả, bền vững; đảm bảo khai thác vận hành hiệu quả, ổn định các nhà máy điện, cùng với các Tập đoàn năng

lượng khác (EVN, PVN) góp phần trong vai trò giữ vững đảm bảo cung ứng an ninh năng lượng quốc gia, xây dựng môi quan hệ hài hòa trong Tổng công ty, vừa đảm bảo lợi ích của các cổ đông, của TKV và của Tổng công ty, đồng thời đảm bảo lợi ích cho người lao động trong Tổng công ty.

2. Hoạt động SXKD năm 2018:

2.1. Tình hình chung:

Nền kinh tế thế giới trong năm 2018 được đánh giá chung là tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn nhiều yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp. Bên cạnh đó các nước lớn cùng với xu hướng bảo hộ mậu dịch có ảnh hưởng lớn đến sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam.

Tuy nhiên với sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, kinh tế Việt Nam năm 2018 khởi sắc trên cả ba khu vực sản xuất, cung - cầu của nền kinh tế, đã thực hiện thắng lợi toàn diện các mục tiêu kế hoạch, khi 12/12 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đều đạt và vượt mục tiêu đề ra. Tăng trưởng GDP năm 2018 **đạt 7,08%**, vượt mục tiêu 6,7% của Quốc hội giao và đây là mức tăng cao nhất trong 11 năm qua. Quy mô nền kinh tế ngày càng được mở rộng nhờ tốc độ tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế của Việt Nam tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực. Có được những thành tựu to lớn này thể hiện sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực của toàn dân và sự điều hành quyết liệt của Chính phủ.

Ở trong nước, ngành điện Việt Nam cũng đối mặt với nhiều khó khăn, tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, nhiều đợt nắng nóng bất thường, nhu cầu tiêu thụ điện tăng cao. Bên cạnh đó, đối với Tổng công ty, biến động tỷ giá ngoại sự kiểm soát (tỷ giá ngoại tệ đồng USD tăng 2,24%) là yếu tố đã ảnh hưởng lớn đến hiệu quả chung và ảnh hưởng rất lớn đến kết quả SXKD của Tổng công ty.

Trong bối cảnh thị trường hoạt động có nhiều khó khăn thách thức, tiềm ẩn nhiều rủi ro khó lường như trên, với sự quyết liệt của HĐQT, ngay từ những ngày đầu tháng đầu đã có những nghị quyết chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp như: Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật của các nhà máy (đặc biệt tập trung khôi phục khiếm khuyết thiết bị của nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả theo đúng nghị quyết HĐQT về các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho đơn vị này), triển khai công tác Tin học hóa, Tự động hóa các khâu trong dây chuyền sản xuất các nhà máy; Bám sát nhu cầu thị trường để huy động tối đa các tổ máy có hiệu quả; Cơ cấu lại mô hình tổ chức, tinh giảm lao động theo hướng gọn nhẹ, ít đầu mối; Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy trình, xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật, tăng cường công tác quản trị chi phí...

Với các giải pháp cấp thiết và đồng bộ trên, năm 2018 Tổng công ty đã đạt các kết quả đáng khích lệ, hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao.

2.2. Kết quả thực hiện SXKD năm 2018 (công ty mẹ):

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ % so với KH
1	Sản lượng (tr. kWh)	4.979	5.855	117,6%
2	Doanh thu (tỷ đồng)	6.610	8.066	122%
3	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	394	546,6	138,7%
4	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	-	501,6	-

Ghi chú: Doanh thu kế hoạch 2018 tại báo cáo đại hội cổ đông là 6.610 tỷ đồng đã bao gồm doanh thu than 150 tỷ đồng.

2.3. Công tác cổ đông:

Tình hình cổ đông tại thời điểm 22/3/2019 như sau:

Stt	Cổ đông	Số cổ đông	Cổ phần sở hữu	Trị giá (tỷ đồng)	Tỷ lệ %/ VDL
	Tổng cộng	967	680.000.000	6.800	100%
1	Cổ đông tổ chức	2			
-	TKV	1	677.808.500	6.778,085	99,6777%
-	BITEXCO	1	1.500	0,015	0,0002%
2	Cổ đông cá nhân (người lao động và cổ đông ngoài)	965	2.190.000	21,9	0,3221%

2.4. Đội ngũ CBCNV:

a) Số lượng CBCNV:

- Lao động có mặt Công ty mẹ tại ngày 31/12/2018: 1.389 người.
- Lao động bình quân Công ty mẹ đến 31/12/2018: 1.440 người.

b) Chính sách đối với lao động:

Tổng công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước đối với người lao động, đồng thời tạo điều kiện tối đa để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, với một số nội dung chính như sau:

- Xếp lương, nâng bậc, nâng ngạch theo đúng quy định của pháp luật và của Tổng công ty.

- Tham gia đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN, ... và giải quyết các chế độ bảo hiểm, chế độ trợ cấp, ... theo đúng quy định của pháp luật và của Tổng công ty.

- Thực hiện thời giờ làm việc, nghỉ ngơi theo đúng quy định của pháp luật và của Tổng công ty.

- Xem xét, đề nghị cấp thẩm quyền khen thưởng thành tích theo đúng quy định của pháp luật và của Tổng công ty.

- Cử tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trong nước và nước ngoài theo yêu cầu công việc.

- Đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động.
- Người lao động được tạo thuận lợi tham gia các tổ chức đoàn thể.
- Cấp phát trang phục, trang bị làm việc.

2.5. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Kế hoạch ĐTXD năm 2018 là 116.957 triệu đồng, bao gồm: 5 dự án nhóm A (các dự án nhà máy điện: Mạo Khê, Đồng Nai 5, Na Dương II, Cao Ngạn, Sơn Động); và các dự án, gói thầu duy trì, phục vụ sản xuất kinh doanh.

Kết quả thực hiện công tác đầu tư xây dựng năm 2018 của Tổng công ty cơ bản đảm bảo kế hoạch đề ra.

a) Các dự án nhóm A:

- Các dự án nhà máy điện: Mạo Khê, Đồng Nai 5, Cao Ngạn, Sơn Động đã đưa vào vận hành thương mại, hiện đang triển khai các gói thầu, công việc còn lại của dự án, kiểm toán vốn đầu tư xây dựng công trình... để quyết toán dự án hoàn thành.

- Dự án NMNĐ Na Dương II:

- Tổng công ty đã hoàn thiện công tác lập HSMT gói thầu EPC - Nhà máy chính và sẽ cập nhật, phát hành HSMT sau khi ký hợp đồng mua bán điện (hiện đang hoàn thiện công tác đàm phán giá điện với EVN theo hướng dẫn của Bộ Công Thương).

- Về công tác xin chủ trương cấp bảo lãnh Chính phủ cho phần vốn vay nước ngoài theo Dự án đầu tư được duyệt: Sau khi hoàn thiện công tác đàm phán giá điện, Tổng công ty sẽ tính toán lại dòng tiền, hiệu quả kinh tế tài chính dự án để báo cáo Bộ Tài chính thẩm định, xem xét cấp bảo lãnh cho dự án.

b) Các dự án đầu tư duy trì sản xuất kinh doanh: triển khai theo kế hoạch được giao, đáp ứng tiến độ đề ra.

2.6. Tình hình tài chính:

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2018 của Tổng công ty như sau:

Chi tiêu \ Năm	2016	2017	2018	% so 2017
Tổng giá trị tài sản	22.536.907.776.149	20.808.690.069.018	20.132.221.052.371	-96,5%
Doanh thu thuần	6.461.769.716.201	7.269.482.060.418	8.028.360.506.827	110,5%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(345.927.010.317)	679.400.375.750	538.269.480.629	-110,4%
Lợi nhuận khác	(8.103.908.991)	6.312.427.705	8.395.193.641	133%
Lợi nhuận trước thuế	(354.030.919.308)	685.712.803.455	546.664.674.270	-80%
Lợi nhuận sau thuế	(354.030.919.308)	685.712.803.455	501.605.914.527	-73%

Stt	Chi tiêu	Năm		
		2016	2017	2018
1	Chi tiêu về khả năng thanh toán:			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	0,85	0,91	1,07
-	Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,83	0,90	1,04
2	Chi tiêu về cơ cấu vốn:			
-	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,71	0,66	0,63
-	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	2,5	1,92	1,72
3	Chi tiêu về năng lực hoạt động:			
-	Vòng quay tài sản: Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,29	0,35	0,4
4	Chi tiêu về khả năng sinh lời			
-	Tỷ suất lợi nhuận/ Doanh thu		9,43%	6,2%
-	Tỷ suất sinh lời của tài sản		3,17%	2,5%
-	Tỷ suất sinh lời cơ sở		3,17%	2,67%
-	Tỷ suất sinh lời/vốn chủ sở hữu		10,11%	6,9%

2.7. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu đến ngày 31/12/2018:

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng
680.000.000	Cổ phần phổ thông	679.993.400	6.600

b) Danh sách cổ phần hạn chế chuyển nhượng:

Tên cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Tổng số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	Thời gian hạn chế chuyển nhượng
Tổng	10,300	6,600	

c) Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông sáng lập: Không có.
- Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ:

Họ tên	GCNĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam.	5700100256	226 Lê Duẩn, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.	677.808.500	99,68

- Cơ cấu cổ đông: Tổng số 969 cổ đông, cơ cấu như sau:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông Nhà nước	1	677.808.500	99,6777
II	Cổ đông trong nước	966	2.151.500	0,3164
1	Tổ chức	1	1.500	0,0002
2	Cá nhân	965	2.150.000	0,3162
III	Cổ đông nước ngoài	2	40.000	0,0059
1	Tổ chức	0	0	0
2	Cá nhân	2	40.000	0,0059
	Tổng cộng	969	680.000.000	100

d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ*: Không.

e) *Các chứng khoán khác*:

- Ngày 31/7/2018 Tổng công ty đã phát hành thành công Trái phiếu riêng lẻ (trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản bảo đảm, không kèm theo chứng quyền, tự do chuyển nhượng và có nghĩa vụ trả nợ trực tiếp) với khối lượng phát hành thực tế là 400 tỷ đồng và kỳ hạn 7 năm.

- Ngoài ra, Tổng công ty không có các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm và không có các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán.

3. Kế hoạch SXKD năm 2019:

3.1. Các chỉ tiêu chính:

Bước sang năm 2019, dự báo thị trường điện là thuận lợi, nhu cầu điện trên thị trường ở mức cao. Với tình hình thị trường nêu trên và căn cứ vào tình trạng vận hành máy móc thiết bị của các đơn vị, Tổng công ty đã cân đối và lập kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 với các nội dung chính như sau:

- Về sản lượng, căn cứ theo Sản lượng điện Hợp đồng (Qc) năm 2019 và cân đối theo tình hình sản xuất của từng đơn vị.

- Đối với doanh thu, căn cứ theo sản lượng điện phát kế hoạch, có xét đến các yếu tố phân bổ sản lượng điện hợp đồng từng tháng do Cục Điều tiết điện lực ban hành và dự kiến giá thị trường trong năm 2019.

- Đối với lợi nhuận, sau khi cân đối các chi phí sản xuất, dự kiến lợi nhuận là 405 tỷ, tương ứng với tỷ suất lợi nhuận là 6%. Chi tiết các chỉ tiêu chính như sau:

Stt	Nội dung	Kế hoạch năm 2019
I	SẢN XUẤT KINH DOANH	
1	Sản lượng	5.199
2	Doanh thu (tỷ đồng)	6.880
3	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	405
-	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	365
II	ĐẦU TƯ XDCB (triệu đồng)	790.762
1	Dự án nhóm A	667.059
1.1	Trả nợ khối lượng năm trước	308.453
-	Dự án NMD Đồng Nai 5	307.934
-	Dự án NMD Sơn Động	519
-	Dự án NMD Mạo Khê	0
1.2	Kế hoạch thực hiện 2019	358.606
-	Dự án NMD Đồng Nai 5	1.696
-	Dự án NMD Na Dương II	355.411
-	Dự án MMĐ Cẩm Phả 3	0
-	Dự án MMĐ Mạo Khê	1.499
2	Dự án nhóm B	1.000
3	Dự án nhóm C	122.703

Năm 2019 lợi nhuận sau thuế khoảng 365 tỷ đồng, kế hoạch mức trả cổ tức của Tổng công ty là > 5%.

3.2. Các giải pháp thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2019:

Để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 Tổng công ty đang thực hiện một loạt các giải pháp đồng bộ. Ngay từ đầu năm 2019, Tổng công ty tập trung chủ yếu vào những việc sau:

3.2.1. Giải pháp kỹ thuật vận hành:

Việc thực hiện tốt kế hoạch sản lượng phụ thuộc rất lớn vào chế độ vận hành cũng như tính khả dụng của các tổ máy, cần phải tập trung thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện tốt các quy trình, quy phạm đã ban hành, quản lý chặt các định mức kinh tế - kỹ thuật.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thiết bị, sớm nhận biết các sự cố để có biện pháp ngăn chặn kịp thời.
- Đẩy mạnh công tác chăm sóc bảo dưỡng, vệ sinh thiết bị. Ngoài định mức sửa chữa thường xuyên được Tổng công ty ban hành, các đơn vị căn cứ vào tình trạng của thiết bị chủ động xây dựng phương án sửa chữa, bảo dưỡng đảm bảo vận hành ổn định thiết bị.
- Nâng cao chất lượng sửa chữa thiết bị bằng cách nâng cao công tác giám sát và nghiệm thu, công việc này phải được thực hiện hàng ngày. Việc tổ chức đánh giá chất lượng sửa chữa phải được triển khai thường xuyên, liên tục, việc đánh giá phải dựa trên 3 tiêu chí cơ bản: Chất lượng sửa chữa, thời gian sửa chữa và an toàn cho người, thiết bị.
- Sử dụng vật liệu mới, chất lượng tiên tiến thay thế cho hệ thống cung cấp than, đá, xử lý tro xỉ để tăng tính ổn định trong vận hành của các nhà máy.
- Tiếp tục triển khai chương trình tự động hóa, tin học hóa giai đoạn 2017 - 2020, đưa tin học hóa vào trong điều hành sản xuất như giám sát các thông số vận hành online, áp dụng phần mềm quản lý sửa chữa bảo dưỡng, vật tư trên nền tảng Web tại tất cả các nhà máy trong Tổng công ty.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất theo hướng 4.0.

3.2.2. Công tác quản trị chi phí:

- Tiếp tục quản lý chặt chẽ hơn công tác quản trị chi phí, giữ vững các định mức kinh tế - kỹ thuật của từng nhà máy, triển khai ngay một số nội dung sau:
 - Tiếp tục triển khai lắp đặt biến tần cho các động cơ công suất lớn để tiết kiệm năng lượng điện tự dùng.
 - Đo đặc tuyến của các tổ máy tại các dải công suất khác nhau để hiệu chỉnh chế độ vận hành tối ưu nhằm tiết giảm các chỉ tiêu định mức kinh tế - kỹ thuật như suất tiêu hao than, điện tự dùng, dầu DO v.v.
- Bám sát thị trường để có phương án chào giá tối ưu với phương châm vận hành tối đa hóa lợi nhuận, không chạy theo sản lượng.
- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng than nhập đầu vào theo đúng chỉ tiêu hợp đồng bằng cách phối hợp tốt với bên giao than, kịp thời phản ánh cũng như kiểm điểm rút kinh nghiệm cho những lô than có chất lượng thấp.
- Kiểm soát chặt chẽ hơn công tác quản lý vật tư, tăng cường sử dụng vật tư trong nội bộ Tổng công ty, có phương án chuyển đổi những chủng loại vật tư có chất lượng đã được đánh giá cao trong quá trình vận hành.

3.2.3. Công tác AT-VSLĐ, PCCC, PCTT và MT:

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý và đảm bảo AT-VSLĐ, PCCC, MT và PCTT-TKCN trong sản xuất và trong mọi hoạt động của Tổng công ty và các đơn vị. Trong đó có việc nâng cao năng lực quản lý, trách nhiệm của cán bộ quản lý tại các đơn vị có vai trò quan trọng đặc biệt.
- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tính tự giác của người lao động trong công tác AT-VSLĐ, PCCC, MT và PCTT-TKCN. Gắn trách nhiệm, quyền lợi trực tiếp của người lao động với công tác này.
- Thực hiện nghiêm túc các quy trình vận hành đã ban hành. Sửa chữa bảo dưỡng thiết bị kịp thời, hạn chế thấp nhất các rủi ro có thể xảy ra.
- Phối hợp tốt giữa tổ chức Công đoàn và chuyên môn.

3.2.4. Công tác đầu tư:

- Dự án NMNĐ Na Dương II: Tiếp tục đẩy nhanh các công việc của dự án (hoàn tất đàm phán giá điện, thu xếp vốn, lựa chọn nhà thầu EPC);
- Triển khai các bước theo kế hoạch đề ra đối với Dự án điện mặt trời trên hồ thủy điện Đồng Nai 5 sau khi dự án được đưa vào quy hoạch.
- Phân đầu quyết toán xong các dự án nhà máy điện: Đồng Nai 5, Mạo Khê, Cao Ngạn, Sơn Động.

3.2.5. Công tác tái cơ cấu: Tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu theo đúng Đề án đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 20/4/2018.

Phần III: CÁC RỦI RO

1. Rủi ro về chính sách, tỷ giá:

- Các dự án nhà máy điện của Tổng công ty được thực hiện theo hình thức hợp đồng EPC với tổng thầu là nhà thầu nước ngoài, đồng tiền sử dụng thanh toán có liên quan đến tỷ giá ngoại tệ (USD, JPY, CNY, ...). Do vậy rủi ro về chênh lệch tỷ giá có ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Tình hình thu xếp vốn cho các dự án có nhiều khó khăn.
- Tổng công ty trong quá trình triển khai dự án, luôn chú trọng thu xếp các nguồn vốn có lãi suất tốt, thời hạn dài; Đồng thời tích cực tìm giải pháp, đề xuất với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam để giảm thiểu và giải quyết rủi ro này.

2. Rủi ro về thị trường:

Để giảm thiểu rủi ro về thị trường, Tổng công ty tổ chức quản trị chi phí có hiệu quả. Bám sát thị trường và vận dụng cơ chế giá linh hoạt nhằm phát tối đa công suất các tổ máy và mang lại hiệu quả kinh tế tốt nhất.

3. **Rủi ro về kỹ thuật công nghệ:**

Việc đầu tư vào ngành điện đòi hỏi vốn lớn, thời gian dài. Đồng thời, thiết bị kỹ thuật điện liên tục đổi mới (công nghệ lò hơi siêu tới hạn, trên siêu tới hạn, thiết bị đo lường, tự động hóa, ...) do đó nhiều chủng loại thiết bị nhanh chóng lạc hậu, khó có thiết bị chủng loại cũ để thay thế và phải tính đến việc đổi mới.

Phần IV:

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Đặc thù hoạt động của Tổng công ty là sản xuất điện nên lượng nguyên vật liệu để sản xuất ra sản phẩm chủ yếu bao gồm than, đá vôi và nước được nêu dưới đây. Đồng thời không xác định tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính.

2. Tiêu thụ năng lượng: Theo đặc thù về sản phẩm của Tổng công ty nên tiêu thụ năng lượng được tính bằng lượng điện tự dùng. Năm 2018 tổng lượng điện tự dùng của Tổng công ty là 1.020,6 triệu kWh gồm cả điện tự dùng của 2 công ty con là Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV và Công ty CP Than - Điện Nông Sơn - TKV), nếu không tính 2 công ty con cổ phần này thì tổng sản lượng điện tự dùng là 688,6 tr. kWh.

3. Tiêu thụ nước: Khối lượng nước làm mát (nước biển) của Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV (CPC) năm 2018 là 904.805 m³ (do chỉ có CPC dùng nước biển), khối lượng nước làm mát của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV là 2.081.906 m³. Tổng khối lượng nước làm mát của Tổng công ty năm 2018 là 2.986.711 m³.

4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Năm 2018 Tổng công ty thực hiện tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và không bị các cơ quan thẩm quyền xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) *Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:*

- Lao động có mặt Công ty mẹ tại thời điểm 01/01/2018: 1.468 người, tại 31/12/2018: 1.389 người.

- Lao động bình quân Công ty mẹ đến 31/12/2018: 1.440 người

- Quỹ tiền lương thực hiện Công ty mẹ 2018: 204.869 tr.đồng

- Thu nhập bình quân của lao động Công ty mẹ: 11,6 tr.đồng/ng-tháng

b) *Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:* Tổng công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách của Nhà nước cho người lao động, đồng thời luôn quan tâm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Tổng công ty đã ban hành Quy chế quản lý và sử dụng

Quý khen thưởng, Quý phúc lợi theo Quyết định số 444/QĐ-ĐLTKV ngày 23/3/2016; Quy chế quản lý lao động và tiền lương trong Tổng công ty ban hành kèm theo Quyết định số 639/QĐ-ĐLTKV ngày 24/4/2017 và các quy chế, quy định liên quan, để đảm bảo quyền lợi cho người lao động, đồng thời động viên, khuyến khích người lao động cống hiến và gắn bó, làm việc lâu dài cho Tổng công ty.

c) *Hoạt động đào tạo người lao động*: Tổng công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo cán bộ quản lý do TKV tổ chức, cũng như cử cán bộ đi học tập thực tiễn tại các doanh nghiệp trong nước và ở nước ngoài, tham gia các khóa đào tạo kỹ thuật công nghệ nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ CBCNV.

6.6 *Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương*: Tổng công ty luôn quan tâm các mặt hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác tại các địa bàn nơi đặt các nhà máy của Tổng công ty thuộc vùng sâu, vùng xa như Sơn Động, Nông Sơn.

Phần V:

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**: Kết quả hoạt động SXKD năm 2018: Chi tiết tại Phần II Báo cáo này.

2. **Kế hoạch SXKD năm 2019**: Chi tiết tại Phần II Báo cáo này.

3. **Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty**:

3.1. *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường*: Kết quả quan trắc, giám sát môi trường định kỳ cho thấy các chỉ tiêu về môi trường liên quan đến hoạt động của Tổng công ty đều được thực hiện tuân thủ quy định của pháp luật, Tổng công ty không bị xử phạt do vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.2. *Đánh giá liên quan đến chế độ người lao động*: Năm 2018 Tổng công ty đảm bảo công việc, tiền lương, thu nhập và các chế độ đãi ngộ khác cho người lao động. Tổng công ty thường xuyên cập nhật, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định liên quan đến người lao động phù hợp quy định hiện hành của pháp luật và yêu cầu thực tế của Tổng công ty.

3.3. *Đánh giá về trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương*: Trong năm 2018 Tổng công ty đã chấp hành tốt các quy định của các địa phương nơi địa bàn hoạt động của Tổng công ty và các công ty con, đơn vị trực thuộc.

Phần VI:
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT Tổng công ty: Được nêu tại mục 5, Phần I của Báo cáo này.

2. Đánh giá về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 của Tổng công ty: Được nêu tại Phần II Báo cáo này.

3. Hoạt động, tiền lương và thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát, cán bộ quản lý Tổng công ty:

Ngày 22/4/2019 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Tổng công ty đã được tổ chức thực hiện với các nội dung chính sau:

1. Báo cáo kết quả SXKD năm 2018 và các chỉ tiêu chính của Kế hoạch SXKD, Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2019.

2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty năm 2018 và định hướng năm 2019.

3. Báo cáo của Ban Kiểm soát Tổng công ty về kết quả SXKD và đánh giá các mặt quản lý năm 2018.

4. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty năm 2018 và định hướng năm 2019.

5. Tờ trình về Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.

6. Tờ trình về phân phối lợi nhuận năm 2018 và Kế hoạch năm 2019.

7. Tờ trình về việc chi trả tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, cán bộ quản lý năm 2018 và Kế hoạch chi trả năm 2019.

8. Tờ trình thông qua việc niêm yết cổ phiếu Tổng công ty trong năm 2019.

9. Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2019.

- Tổng công ty đã thực hiện chi trả tiền lương, thù lao năm 2018 cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý Tổng công ty theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Trong năm 2018, HĐQT Tổng công ty đã tổ chức 44 phiên họp xem xét các nội dung theo đề nghị của Ban lãnh đạo điều hành hoặc những vấn đề lớn cần định hướng của HĐQT chỉ đạo cho Ban lãnh đạo điều hành. Trong năm đã ban hành nghị quyết cho 177 nội dung, trong đó có 7 quy chế quản lý nội bộ, chỉ đạo kịp thời, có kết quả việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018.

Theo kế hoạch hàng năm, năm 2018 HĐQT đã tiến hành 2 đợt kiểm tra giám sát thực tế tại các đơn vị trực thuộc và công ty con (tháng 4 và tháng 11/2018), nghe báo cáo từ các đơn vị để có chỉ đạo định hướng các mục tiêu kế hoạch, đánh giá những việc làm được, những mặt còn tồn tại hạn chế để các đơn vị sửa chữa khắc phục.

Định kỳ hay đột xuất hàng tuần HĐQT thường xuyên tổ chức các cuộc họp HĐQT để quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty; những quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm được Đại hội đồng cổ đông giao.

Nội dung các nghị quyết đưa ra nhằm định hướng các vấn đề về chiến lược phát triển, mang các nội dung định hướng lớn, đề ra một số biện pháp, giải pháp lớn nhằm kịp thời giải quyết, tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình sản xuất kinh doanh của Ban lãnh đạo điều hành.

Các nghị quyết đã thông qua đều được HĐQT giao cho Ban lãnh đạo điều hành để triển khai thực hiện và báo cáo Hội đồng quản trị.

Chủ tịch HĐQT và các thành viên được phân công đã thường xuyên giám sát, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện các nội dung đã được HĐQT thông qua tại các cuộc họp HĐQT, các nghị quyết đã được ban hành; Đồng thời đảm bảo các quy chế hoạt động, quản trị của Tổng công ty tuân thủ theo các quy định của pháp luật, luật doanh nghiệp.

Việc Công bố thông tin theo quy định cũng đã được Chủ tịch HĐQT đôn đốc và kiểm tra thường xuyên, đảm bảo các thông tin được công bố đúng thời hạn, chính xác, đầy đủ.

Nhằm theo sát tình hình hoạt động sản xuất của các công ty con, đơn vị công ty trực thuộc, HĐQT tổ chức họp thường kỳ theo các hình thức phù hợp để nghe Tổng giám đốc Tổng công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong quý và kế hoạch sản xuất kinh doanh của quý tiếp theo.

Kết thúc năm 2018, HĐQT đã chủ trì đánh giá kiểm điểm từng đồng chí thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban lãnh đạo điều hành, người đại diện phần vốn và người đại diện của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết, giám đốc các đơn vị trực thuộc và công ty con, để phân tích đánh giá đối với từng đồng chí về những mặt làm được cần phát huy, những mặt còn tồn tại cần chấn chỉnh và rút kinh nghiệm cho thời gian tiếp theo.

Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT cùng BKS đã chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2019. Hiện Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán xong và đã gửi cho các cơ quan chức năng.

4. Kết quả giám sát với Tổng giám đốc và Ban lãnh đạo điều hành:

Năm 2019, trong điều kiện tình hình sản xuất kinh doanh bên cạnh những thuận lợi Tổng công ty cũng gặp phải không ít những khó khăn thách thức nhiều yêu tố bất lợi, HĐQT đã có những nghị quyết với những quyết sách phù hợp, linh hoạt, kịp thời giúp Tổng công ty chủ động ứng phó với những bất cập trong sản xuất kinh doanh. Để đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh HĐQT đã chỉ đạo Ban lãnh đạo điều hành Tổng công ty thực hiện nghiêm nhiều biện pháp tăng cường công tác quản lý, tiết kiệm chi phí, và đảm bảo tuyệt đối công tác AT-VSLĐ, v.v.

Các nghị quyết của HĐQT giao cho Ban lãnh đạo điều hành thực hiện đều được HĐQT đôn đốc, kiểm tra. HĐQT đã thường xuyên có các cuộc họp đánh giá chung hoặc theo chuyên đề cùng với Ban lãnh đạo điều hành để xây dựng, điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất cho phù hợp với tình hình cụ thể.

Thông qua hoạt động kiểm tra giám sát thường xuyên của HĐQT đối với Ban lãnh đạo điều hành, đột xuất hay định kỳ 6 tháng và cuối năm HĐQT yêu cầu Ban lãnh đạo điều hành báo cáo kiểm điểm việc thực hiện các nghị quyết mà HĐQT đã ban hành trong tháng, quý, năm. Kết quả cho thấy Ban lãnh đạo điều hành đã nghiêm túc triển khai đầy đủ các quyết định, nghị quyết của HĐQT ban hành, đã chỉ đạo sát sao các công ty con, đơn vị trực thuộc thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được Tổng công ty giao cho.

Mối quan hệ quản trị - điều hành doanh nghiệp giữa HĐQT và Ban lãnh đạo điều hành luôn chặt chẽ và được thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các Quy chế về quản trị của Tổng công ty.

Kết thúc năm kế hoạch, Ban lãnh đạo ban điều hành đã trình HĐQT Báo cáo tài chính và HĐQT cũng đã thường xuyên chỉ đạo Ban lãnh đạo điều hành thực hiện nghiêm túc công tác kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính theo quy định, phục vụ kịp thời cho các quyết định của HĐQT.

4. Các định hướng chiến lược phát triển năm 2018 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh và XDCB năm 2019: Được trình bày tại các phần ở trên của Báo cáo.

Phần VII: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

Báo cáo Tài chính năm 2018 được công bố trên Website Tổng công ty tại địa chỉ www.dienluctkv.vn và tại Website của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định./.


Ngô Trí Thịnh